

Số:125/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 146 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 229/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh **Bùi Văn M** - Sinh ngày: 19/8/1992

Địa chỉ: **Thôn Đ (N là thôn T), xã V, tỉnh Thanh Hóa.**

Số CCCD: 0380.9201.2455 Ngày cấp: 29/5/2023

Chị **Bùi Thị L** - Sinh ngày: 21/3/2000

Địa chỉ: **Thôn Đ (N là thôn T), xã V, tỉnh Thanh Hóa.**

Số CCCD: 0173.0000.3467 Ngày cấp: 15/4/2025

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh **Bùi Văn M** và chị **Bùi Thị L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2018 tại **UBND xã B, huyện Y, tỉnh Hòa Bình** (Nay là **UBND xã L, tỉnh Phú Thọ**). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hoà hợp, thường xuyên tranh cãi, đời sống chung không hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Đến nay, anh **M** và chị **L** đều xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa giải quyết cho hai bên được ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Bùi Hồng S**, sinh ngày: 17/3/2017 và **Bùi Hồng Á**, sinh ngày: 24/6/2019. Ly hôn, anh **M** và chị **L** thỏa thuận giao cả hai cháu cho anh **M** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **L** chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **M**.

[3]. Về tài sản: Anh **Bùi Văn M** và chị **Bùi Thị L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh **Bùi Văn M** và chị **Bùi Thị L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh **Bùi Văn M** và chị **Bùi Thị L** thỏa thuận, chị **L** là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Bùi Văn M** và chị **Bùi Thị L** thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu **Bùi Hồng S**, sinh ngày: 17/3/2017 và **Bùi Hồng A**, sinh ngày: 24/6/2019 cho anh **Bùi Văn M** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **Bùi Thị L** chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **M**.

Chị **Bùi Thị L** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **Bùi Thị L** tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị **L** đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số 0005236, ngày 23 tháng 6 năm 2026. Chị **L** đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã Lạc Lương, tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.



THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn